ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG KHOA HỌC LIÊN NGÀNH VÀ NGHỆ THUẬT

Số: 422 /TB-KHLNNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2024 TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, TIẾN SĨ

Căn cứ Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) tại công văn số 589/HD-ĐHQGHN ngày 01/3/2024, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, ĐHQGHN thông báo tuyển sinh bậc sau đại học, các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đợt 2 năm 2024 như sau:

I. Tuyển sinh trình độ thạc sĩ

1. Chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh

1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	CHUYÊN NGÀNH	CHỈ TIÊU	THỜI GIAN ĐÀO TẠO
1.	Quản lí phát triển đô thị (định hướng ứng dụng)	75 học viên/khóa	02 năm
2.	Di sản học (định hướng nghiên cứu và ứng dụng)		
3.	Khoa học bền vững (định hướng nghiên cứu)		
4.	Biến đổi khí hậu (định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng)		
5.	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo (định hướng ứng dụng)		

1.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng: đối với thí sinh tốt nghiệp đại học chính quy loại Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội trong ***Danh mục các ngành phù hợp xét tuyển thẳng*** tại ***Phụ lục 3.***

- Phương thức 2 - Xét tuyển (bao gồm Đánh giá hồ sơ thí sinh và Thi vấn đáp chuyên môn thí sinh): đối với các thí sinh khác.

2. Kế hoạch tuyển sinh

STT	Nội dung	Đợt 1/2024	Đợt 2/2024
1.	Nhận hồ sơ	Trước 17h00 ngày 24/4/2024	Trước 17h00 ngày 23/8/2024
2.	Tổ chức xét hồ sơ	Trước 04/5/2024	Trước 31/8/2024
3.	Thông bố danh sách thí sinh **xét tuyển thẳng**	Trước 04/5/2024	Trước 31/8/2024
4.	Thông báo danh sách thí sinh đủ **điều kiện hồ sơ** và tiếp tục tham gia **thi vấn đáp chuyên môn**	Trước 08/5/2023	Trước 07/9/2024
5.	Thi ngoại ngữ VNU test (với thí sinh có nhu cầu)	12/5/2024	15/9/2024
6.	Thi vấn đáp chuyên môn thí sinh	Trước 27/5/2024	Trước 30/9/2024
7.	Thông báo điểm xét tuyển	Trước 29/5/2024	Trước 02/10/2024
8.	Đề nghị điểm trúng tuyển	Trước 01/6/2024	Trước 05/10/2024
9.	Thông báo nhập học	Trước 22/6/2024	Trước 26/10/2024
10.	Đề nghị công nhận học viên	Trước 31/7/2024	Trước 07/12/2024
11.	Khai giảng	Trước tháng 31/12/2024	

Ghi chú:

(*) VNU test là bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng nghề nghiệp tại ĐHQGHN do Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) tổ chức, được sử dụng làm minh chứng về năng lực ngoại ngữ cho thí sinh dự tuyển đào tạo thạc sĩ (không áp dụng cho thí sinh dự tuyển tiến sĩ và cũng không được sử dụng làm minh chứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ của các CTĐT thạc sĩ). Thí sinh có nhu cầu thi để cấp chứng nhận VNU test đăng ký trực tiếp với Trường ĐHNN. Ngoài 2 đợt thi trên, Trường ĐHNN có tổ chức thêm nhiều đợt thi khác trong năm và không giới hạn số lần thí sinh dự thi.

(xem lịch thi tại: https://dangky.ulis.vnu.edu.vn/vnu-tests/).

3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Chuyên ngành	**Di sản học**		**Biến đổi khí hậu**		**Khoa học bền vững**	**Quản lý phát triển đô thị**	**Công nghiệp văn hóa và sáng tạo**
Định hướng	**Ứng dụng**	**Nghiên cứu**	**Ứng dụng**	**Nghiên cứu**	**Nghiên cứu**	**Ứng dụng**	**Ứng dụng**
Văn bằng đại học	Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc tương đương trở lên) *Lưu ý: Bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo.*						
Yêu cầu về loại tốt nghiệp	Không yêu cầu	Từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học.	Không yêu cầu	Từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học.		Không yêu cầu	Không yêu cầu
Danh mục ngành, nhóm ngành phù hợp	Phụ lục 4. Mục 1		Phụ lục 4. Mục 2		Phụ lục 4. Mục 3	Phụ lục 4. Mục 4	Phụ lục 4. Mục 5
Học bổ sung kiến thức	Từ 0 đến 6 học phần		Từ 0 đến 4 học phần		Từ 3 đến 4 học phần	Từ 0 đến 5 học phần	
Kinh nghiệm công tác	Không yêu cầu thâm niên công tác					Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 2, 3, 4 phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, đô thị, quản lí, quản trị, đầu tư, thương mại, truyền thông.	Không yêu cầu
Ngoại ngữ ***(xem Phụ lục 1 và 2)***	Tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam						
	- *Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ (Xem Phụ lục 1);* - *Chi tiết về khung tham chiếu bậc 3/6 và các đơn vị được phép cấp các loại chứng chỉ (Xem Phụ lục 1 và 2);* *Không chấp nhận chứng chỉ ngoại ngữ thi theo hình thức trực tuyến.*						

4. Hồ sơ và lệ phí tuyển sinh

4.1. Hồ sơ tuyển sinh

- Hồ sơ dự tuyển được nộp dạng bản mềm (chụp ảnh bản gốc) gửi về mail: **tuyensinhlienganh@vnu.edu.vn**, bao gồm các giấy tờ sau:

(1) 02 ảnh thẻ 3x4cm (nền trắng, áo có cổ).

(2) 01 bản sao công chứng Bằng đại học và Bảng điểm đại học;

(3) 01 bản sao công chứng minh chứng năng lực ngoại ngữ (chứng chỉ/chứng nhận/ bằng đại học nước ngoài kèm Công nhận văn bằng);

(4) 01 bản sao công chứng Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân;

(5) 01 bản sao công chứng Giấy khai sinh;

(6) 01 giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện đa khoa (trong thời hạn 6 tháng);

(7) 01 phiếu đăng ký dự tuyển – theo mẫu;

(8) 01 sơ yếu lí lịch (có xác nhận của địa phương hoặc cơ quan công tác) – theo mẫu;

(9) Thư ứng tuyển – theo mẫu;

(10) Giấy xác nhận thâm niên của cơ quan công tác – theo mẫu;

(11) 01 bản sao công chứng các Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc Hợp đồng lao động (đối với thí sinh cần minh chứng theo yêu cầu);

(12) 01 danh mục các công trình nghiên cứu khoa học (giải thưởng, bài báo…) kèm minh chứng.

Tải mẫu hồ sơ tuyển sinh tại: https://bit.ly/quytrinhvabieumaudangkyHOCTHACSI hoặc xem Phụ lục 6.

- Đăng ký hồ sơ trên Cổng thông tin tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ **http://tssdh.vnu.edu.vn** hoặc gửi hồ sơ đăng kí vào email tuyensinhliennganh@vnu.edu.vn
- Hotline 0981.290.448 | 0912.775.237 (Ms. Ngọc) để được hỗ trợ đăng ký.
- Thí sinh cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ, giấy tờ và thông tin khai báo.

4.2. Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí: **420.000 đồng/thí sinh**
- Thí sinh nộp lệ phí bằng 1 trong 2 cách sau:

+ Cách 1: Chuyển khoản

Tên tài khoản : Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - ĐHQGHN

Số tài khoản : 0966966999

Ngân hàng : SHB - Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

Nội dung nộp : *(Họ tên thí sinh)* đăng kí dự thi thạc sĩ *(tên chương trình)* 2024

+ Cách 2: Tiền mặt

Nộp tại Phòng Kế hoạch - Tài chính, P.502, Nhà G7, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội (trong giờ hành chính từ 8h00 đến 17h00).

II. Tuyển sinh trình độ tiến sĩ

1. Chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh

1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Chuyên ngành	Chỉ tiêu	Hình thức	Thời gian đào tạo
1.	Di sản học	10	Xét tuyển	3 năm
2.	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững			

1.2. Phương thức tuyển sinh

Tuyển sinh trình độ tiến sĩ tại Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật được thực hiện theo phương thức xét tuyển.

2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

2.1 Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và

ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- ✓ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;
- ✓ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).
- ✓ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được quy định tại phụ lục 1 và phụ lục 2 của văn bản này.

Lưu ý: Trường không chấp nhận sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ theo hình thức thi trực tuyến.

- Người dự tuyển ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phải có năng lực về ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác ở trình độ tương đương như quy định tại 3 điểm nêu trên.

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo tiến sĩ (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

d) Các yêu cầu khác theo đặc thù của đơn vị và chương trình đào tạo.

Thí sinh dự tuyển đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Quy định xét cấp học bổng của ĐHQGHN cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc ban hành theo Quyết định số 3688/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN có thể nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

2.2 Về thâm niên công tác:

- *Với Tiến sĩ Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững:* Những thí sinh có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với chương trình đào tạo phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong các lĩnh vực liên quan đến biến đổi khí hậu, khoa học bền vững, phát triển bền vững, khí tượng và khí hậu học.

- *Với Tiến sĩ Di sản học:* Có tối thiểu 01 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến di sản đối với thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp thuộc nhóm đối tượng phải bổ sung kiến thức.

3. Hồ sơ dự tuyển:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (in Phiếu trên tài khoản dự thi sau khi đã đăng ký online);

b) Sơ yếu lý lịch cá nhân (có xác nhận địa phương hoặc cơ quan công tác);

c) Bản sao hợp lệ (có công chứng) các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định; Giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (06 bộ) ;

d) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu là công chức; viên chức);

e) Đề cương nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu, nội dung tại mục 2-a của Thông báo này (06 cuốn);

f) Thư giới thiệu của tối thiểu một nhà khoa học theo quy định tại mục 2-a của Thông báo này (06 bản);

g) Giấy chứng nhận sức khoẻ của bệnh viện đa khoa (trong thời hạn 06 tháng)

h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo.

4. Đăng ký dự tuyển và xử lý thông tin đăng ký dự tuyển

4.1 Khai báo trực tuyến các thông tin cơ bản

Việc đăng ký dự tuyển tiến sĩ được thực hiện trực tuyến một phần, thí sinh truy cập phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: hhtp://tssdh.vnu.edu.vn để khai báo các thông tin cơ bản theo hướng dẫn của phần mềm. Thí sinh cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực các thông tin khai báo.

Đợt 1: từ 8h00 ngày 11/3/2024 đến 17h00 ngày 24/4/2024.

Đợt 2: từ 8h00 ngày 15/5/2024 đến 17h00 ngày 23/8/2024.

4.2 Nộp bộ hồ sơ bản cứng

Thí sinh nộp bản cứng hồ sơ theo hướng dẫn tại mục 3 tại địa chỉ: ***Phòng 610, tòa nhà VAS, ngõ 6 Trần Hữu Dực, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội.*** Thời gian như thời gian khai báo dự tuyển trực tuyến ở trên. Nếu hồ sơ (bản cứng) được gửi qua đường bưu điện, thời gian sẽ được tính theo dấu bưu điện.

4.3 Nộp lệ phí dự thi

Sau khi đăng ký dự thi trực tuyến thành công, thí sinh chuyển khoản lệ phí như sau:

Tên tài khoản : Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật – ĐHQGHN

Số tài khoản : 0966966999

Ngân hàng : Ngân hàng SHB

Nội dung : (họ tên thí sinh/ngành) đăng ký dự tuyển tiến sĩ

Số tiền nộp : **260.000 đồng**

5. Quy trình, kế hoạch xét tuyển nghiên cứu sinh

5.1. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh:

Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn.

5.2. Tiêu chí xét tuyển nghiên cứu sinh:

Tiểu ban chuyên môn xem xét, đánh giá hồ sơ dự tuyển và đề cương nghiên cứu sinh. Hồ sơ dự tuyển được đánh giá theo thang điểm tối đa 100. Thí sinh đạt yêu cầu được xét tuyển phải

có điểm đánh giá hồ sơ và đề cương nghiên cứu tối thiểu đạt **60/100**, trong đó điểm đề cương nghiên cứu tối thiểu phải đạt **25/40**.

5.3. Kế hoạch xét tuyển nghiên cứu sinh

Thời gian xét tuyển được chia làm 02 đợt (ngày cụ thể sẽ thông báo tới thí sinh sau):

- Đợt 1: Trước ngày 27/5/2024
- Đợt 2: Trước ngày 30/9/2024.

6. Thông tin liên lạc

Mọi thắc mắc, thông tin đánh giá, góp ý về công tác tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật trong quá trình đăng ký dự tuyển, thí sinh vui lòng gửi về địa chỉ:

* Trình độ thạc sĩ:

Chuyên viên phụ trách: Vũ Thanh Ngọc - 0912775237

Email: tuyensinhliennganh@vnu.edu.vn

* Trình độ tiến sĩ:

Chuyên viên phụ trách: Nguyễn Thị Lan Anh - 0903 408 886 – 02473001679.

Email: khln.daotao1@vnu.edu.vn

TRƯỜNG KHOA HỌC LIÊN NGÀNH VÀ NGHỆ THUẬT, ĐHQGHN

Địa chỉ: Nhà G7, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 3754 7716 (Phòng Truyền thông và Tuyển sinh)

Hotline/Zalo: **0981 290 448 | 0912 775 237 (Ms. Ngọc)**

Email: tuyensinhliennganh@vnu.edu.vn

Facebook: https://www.facebook.com/sis.vnu.edu.vn

Website: https://sisvnu.edu.vn | https://sis.vnu.edu.vn

Nơi nhận:
- Các đơn vị trong Trường *(để phối hợp);*
- Lưu: VT, TT&TS, N03.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG KHOA HỌC LIÊN NGÀNH VÀ NGHỆ THUẬT

Nguyễn Văn Hiệu

PHỤ LỤC 1.

YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

1. Ứng viên cần đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài phù hợp với yêu cầu của CTĐT thạc sĩ;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ/chứng nhận đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận ***(Phụ lục 1 và 2)***.

2. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI
VÀ CÁC ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG CHỈ VÀ VĂN BẰNG NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3, BẬC 4 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC SỬ DỤNG TRONG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TẠI ĐHQGHN

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	IELTS	TOEFL	CAMBRIDGE EXAM	VSTEP	APTIS ESOL (*)	PEIC
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key 140 B1 Preliminary 140 B2 First 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage 140	VSTEP.3-5 (4.0)	B1	Level 2
Bậc 4	5.5	72 iBT	A2 Key 160 B1 Preliminary 160 B2 First 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage 160	VSTEP.3-5 (6.0)	B2	Level 3
Cơ sở cấp CCNN được công nhận	BC, IDP, Cambridge ESOL	ETS	Cambridge ESOL	30 cơ sở được Bộ GD&ĐT công nhận (Phụ lục 5)	BC	Pearson

Ghi chú: (*) chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_ccvstep).

Một số văn bằng và chứng chỉ ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	TIẾNG NGA	TIẾNG PHÁP (**)	TIẾNG ĐỨC	TIẾNG TRUNG	TIẾNG HÀN QUỐC	TIẾNG NHẬT BẢN
Bậc 3	ТРКИ-1	DALF B1 DELF B1 TCF B1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK bậc 3	TOPIK II (Bậc 3)	JLPT N3; NAT TEST 3Q; J-TEST (400)
Bậc 4	ТРКИ-2	DALF B2 DELF B2 TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD-Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK bậc 4	TOPIK II (Bậc 4)	JLPT N2 (90); NAT TEST 2Q (100); J-TEST (600)
Cơ sở cấp CCNN được công nhận	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	Bộ Giáo dục Pháp	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD	Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc (***)	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	Japan Foundation (JLPT); Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J-TEST)

Ghi chú: (**) Bằng tiếng Pháp DELF và DALF không giới hạn thời hạn sử dụng; (***) Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2024 (trước thời điểm này là Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc).

PHỤ LỤC 2.

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN NGOẠI NGỮ ĐƯỢC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG NHẬN (TÍNH ĐẾN 29/02/2024)

1. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến ngày 29/02/2024).

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	16.	Trường Đại học Ngoại thương
2.	Trường ĐH Hà Nội	17.	Học viện Khoa học quân sự
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	18.	Học viện Cảnh sát nhân dân
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	19.	Trường Đại học Quy Nhơn
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	20.	Trường Đại Học Tây Nguyên
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21.	Trường Đại học Sài Gòn
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	22.	Trường Đại học Văn Lang
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	23.	Trường Đại học Trà Vinh
9.	ĐH Thái Nguyên	24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
10.	Trường ĐH Cần Thơ	25.	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	26.	Trường ĐH Lạc Hồng
12.	Trường ĐH Vinh	27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM
13.	Học viện An ninh nhân dân	28.	Trường ĐH Công thương TP. HCM
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	29.	Trường ĐH Kinh tế quốc dân
15.	Trường Đại học Thương mại	30.	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1.	Educational Testing Service (ETS)		√		
2.	British Council (BC)	√			√
3.	International Development Program (IDP)	√			
4.	Cambridge ESOL	√		√	

3. Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		tiếng Nga	***tiếng Pháp***	***tiếng Đức***	***tiếng Trung***	***tiếng Nhật***	***tiếng Hàn***
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc*(*)*				√		
5.	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					√	
6.	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						√

Ghi chú: (*) Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2024 (trước thời điểm này là Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc).

4. Chứng nhận ngoại ngữ

STT	Cơ sở cấp chứng nhận	Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái	Tiếng Ả Rập
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√	√	√	√	√

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC CÁC NGÀNH PHÙ HỢP XÉT TUYỂN THẲNG

Thí sinh tốt nghiệp đại học chính quy loại Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các chương trình đào tạo sau đây của Đại học Quốc gia Hà Nội:

1. Đối với chương trình thạc sĩ Di sản học

STT	CTĐT đại học	Đơn vị đào tạo
1	Lịch sử	Trường ĐH Khoa học Xã hội và nhân văn
2	Việt Nam học	
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
4	Nhân học	
5	Hán Nôm	
6	Văn hóa học	
7	Ngôn ngữ học	
8	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trường ĐH Ngoại ngữ

2. Đối với chương trình thạc sĩ Quản lí phát triển đô thị

STT	CTĐT đại học	Đơn vị đào tạo
1	Quản lí đất đai	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên
2	Quản lí phát triển đô thị và bất động sản	
3	Khoa học thông tin địa không gian	
4	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng – Giao thông	Trường ĐH Công nghệ

3. Đối với chương trình thạc sĩ Biến đổi khí hậu

STT	CTĐT đại học	Đơn vị đào tạo
1	Địa lí tự nhiên	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên
2	Khí tượng học	
3	Thủy văn học	
4	Hải dương học	
5	Khoa học môi trường	
6	Công nghệ kĩ thuật môi trường	
7	Tài nguyên và môi trường nước	
8	Quản lý tài nguyên và môi trường	
9	Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường	

4. Đối với chương trình thạc sĩ Khoa học bền vững

STT	CTĐT đại học	Đơn vị đào tạo
1	Địa lí tự nhiên	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên
2	Khoa học môi trường	
3	Tài nguyên và môi trường nước	
4	Quản lý tài nguyên và môi trường	

PHỤ LỤC 4.

DANH MỤC CÁC NGÀNH, NHÓM NGÀNH ĐƯỢC DỰ THI VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC TƯƠNG ỨNG

1. Chuyên ngành Di sản học (định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu)

STT	Nhóm ngành	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp đại học	Số tín chỉ học phần bổ sung kiến thức
1	Nhóm 1	Quản trị tài nguyên di sản (thí điểm)	Không cần bổ sung kiến thức
2	Nhóm 2	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam (72201), Tôn giáo học (7229009), Ngôn ngữ học (7229020), Văn hóa học (7229040), Quản lí văn hóa (7229042), Xã hội học và Nhân học (73103), Khu vực học (73106), Bảo tàng học (7320305)	- Di sản và các loại hình di sản Việt Nam - Môi trường và phát triển - Kinh tế phát triển **Tổng số: 8 tín chỉ**
3	Nhóm 3	Kinh tế (7310101), Kinh tế phát triển (7310105), Kinh tế đầu tư (7310104), Quản trị thương hiệu (thí điểm), Quản lí giải trí và sự kiện (thí điểm)	- Di sản và các loại hình di sản Việt Nam - Cơ sở văn hóa đại cương - Lịch sử Việt Nam đại cương - Môi trường và phát triển **Tổng số: 13 tín chỉ**
4	Nhóm 4	SP ngữ văn (7140217), SP Lịch sử (7140218), SP Địa lí (7140219), SP Âm nhạc (7140221), SP Mỹ thuật (7140222), Mỹ thuật (72101), Nghệ thuật trình diễn (72102), Nghệ thuật nghe nhìn (72103), Mỹ thuật ứng dụng (72104), Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202), Lịch sử (7229010), Văn học (7229030), Địa lí học (73105), Báo chí, truyền thông (73201), Lưu trữ học (7320303), Du lịch (78101), Thiết kế sáng tạo (thí điểm)	- Lịch sử Việt Nam đại cương - Di sản và các loại hình di sản Việt Nam - Môi trường và phát triển - Kinh tế phát triển **Tổng số: 11 tín chỉ**
5	Nhóm 5	Công nghệ thông tin (7480201), Kiến trúc (7580101), Kiến trúc cảnh quan (7580102), Kiến trúc đô thị (7580104), Quy hoạch vùng và đô thị (7580105), Quản lí đô thị và công trình (7580106), Đô thị học (7580112), Bảo tồn di sản	- Lịch sử Việt Nam đại cương - Xã hội học đại cương - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Di sản và các loại hình di sản Việt Nam

STT	Nhóm ngành	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp đại học	Số tín chỉ học phần bổ sung kiến thức
		kiến trúc đô thị (7580111), Quản trị đô thị thông minh và bền vững (thí điểm)	- Kinh tế phát triển **Tổng số: 14 tín chỉ**
6	Nhóm 6	Khoa học giáo dục (71401), Đào tạo giáo viên (71402) (trừ 7140217, 7140218, 7140209, 7140221, 7140222), Quản lý nhà nước (7310205), Thông tin-thư viện (73202), Kế toán-kiểm toán, (73403), Khoa học quản lý (7340401), Quản lý công (7340403), Hệ thống thông tin quản lý (7340405), Quản lý dự án (7340409), Luật (73801), Khoa học trái đất (74402) (trừ 7440201), Khoa học môi trường (74403), Công nghệ kĩ thuật kiến trúc (7510101), Kĩ thuật địa chất, địa vật lí và trắc địa (75205), Quản lí xây dựng, (75803), Công tác xã hội (7760101), Quản lí tài nguyên và môi trường (78501)	- Lịch sử Việt Nam đại cương - Xã hội học đại cương - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Di sản và các loại hình di sản Việt Nam - Kinh tế phát triển - Môi trường và phát triển **Tổng số: 16 tín chỉ**

2. Chuyên ngành Biến đổi khí hậu (định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu)

STT	Nhóm ngành	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp đại học	Số tín chỉ học phần bổ sung kiến thức
1	Nhóm 1	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững (thí điểm)	Không cần bổ sung kiến thức
2	Nhóm 2	Khoa học trái đất (74402), Khoa học môi trường (74403), QL tài nguyên và môi trường (78501)	- Kinh tế học đại cương - Xã hội học đại cương - Con người và phát triển bền vững **Tổng số: 8 tín chỉ**
3	Nhóm 3	Kinh tế học (73101), QL nhà nước (7310205), Quan hệ quốc tế (7310206), Kinh doanh (73401), Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm (73402), Kế toán-Kiểm toán (73403), Quản trị-Quản lý (73404), Khác (73490), Luật (7380101), Luật KT (7380107), Luật quốc tế (7380108), Kinh tế vận tải (7840104)	- Xã hội học đại cương - Khoa học Trái đất và sự sống - Con người và phát triển bền vững **Tổng số: 8 tín chỉ**
4	Nhóm 4	Xã hội học và Nhân học (73103), Tâm lý học (73104), Địa lý học (73105), Khu vực học	- Kinh tế học đại cương

STT	Nhóm ngành	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp đại học	Số tín chỉ học phần bổ sung kiến thức
		(73106), Báo chí và truyền thông (73201), Du lịch (78101), Khách sạn, nhà hàng (78102), Khoa học giáo dục (71401), Sư phạm Địa lý (7140219), Sư phạm Lịch sử - Địa lý (7140249), Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202), Khác (72290), Công tác xã hội (77601), Di sản học (thí điểm)	- Khoa học Trái đất và sự sống - Con người và phát triển bền vững **Tổng số: 9 tín chỉ**
5	Nhóm 5	Khoa học vật chất (74401), Sinh học ứng dụng (74202), Hệ thống thông tin (7480104), Trí tuệ nhân tạo (7480107), Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng (75101), Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường (75104), Kỹ thuật môi trường (7520320), Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa (75205), Kỹ thuật mỏ (75206), Kiến trúc và quy hoạch (75801), Xây dựng (75802), Nông nghiệp (76201), Lâm nghiệp (76202), Thủy sản (76203), Y học dự phòng (7720110), Y tế công cộng (77207), SP Vật lý (7140211), SP Hóa học (7140212), SP Sinh học (7140213), SP Kỹ thuật công nghiệp (7140214), SP Kỹ thuật nông nghiệp (7140215), SP công nghệ (7140246), SP Khoa học tự nhiên (7140247), QT đô thị thông minh và bền vững (thí điểm)	- Kinh tế học đại cương - Xã hội học đại cương - Khoa học Trái đất và sự sống - Con người và phát triển bền vững **Tổng số: 11 tín chỉ**

3. Chuyên ngành Khoa học bền vững (định hướng nghiên cứu)

STT	Nhóm ngành	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp đại học	Số tín chỉ học phần bổ sung kiến thức
1	Nhóm 1	Khoa học trái đất (74402), Khoa học môi trường (74403), Quản lý tài nguyên và môi trường (78501)	- Kinh tế học đại cương - Xã hội học đại cương - Con người và phát triển bền vững **Tổng số: 8 tín chỉ**
2	Nhóm 2	Kinh tế học (73101), Quản lý nhà nước (7310205), Quan hệ quốc tế (7310206), Quản trị - Quản lý (73404), Kinh doanh (73401), Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402), Kế toán - Kiểm toán (73403), các ngành Khác của khối ngành Kinh doanh và quản lý (73490), Luật (7380101), Luật kinh tế (7380107), Luật quốc tế (7380108), Kinh tế vận tải (7840104), Quản trị thương hiệu (thí diểm), Quản lí giải trí và sự kiện (thí điểm)	- Xã hội học đại cương - Khoa học Trái đất và sự sống - Con người và phát triển bền vững **Tổng số: 8 tín chỉ**
3	Nhóm 3	Xã hội học và Nhân học (73103), Tâm lý học (73104), Địa lý học (73105), Khu vực học (73106), Báo chí và truyền thông (73201), Du lịch (78101), Khách sạn, nhà hàng (78102), Khoa học giáo dục (71401), SP Địa lý (7140219), SP tiếng Anh (7140231), SP Tiếng Nga (7140232), SP Tiếng Pháp (7140233), SP Tiếng Trung Quốc (7140234), SP Tiếng Đức (7140235), SP Tiếng Nhật (7140236), SP Tiếng Hàn Quốc (7140237), SP Lịch sử - Địa lý (7140249), Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202), các ngành khác của nhóm ngành Nhân văn (72290), Công tác xã hội (77601)	- Kinh tế học đại cương - Khoa học Trái đất và sự sống - Con người và phát triển bền vững **Tổng số: 9 tín chỉ**
4	Nhóm 4	Khoa học vật chất (74401), Sinh học ứng dụng (74202), Hệ thống thông tin (7480104), Trí tuệ nhân tạo (7480107), Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng (75101), Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường (75104), Kỹ thuật môi trường (7520320), Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa (75205), Kiến trúc và	- Kinh tế học đại cương - Xã hội học đại cương - Khoa học Trái đất và sự sống - Con người và phát triển bền vững **Tổng số: 11 tín chỉ**

STT	Nhóm ngành	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp đại học	Số tín chỉ học phần bổ sung kiến thức
		quy hoạch (75801), Xây dựng (75802), Nông nghiệp (76201), Lâm nghiệp (76202), Thủy sản (76203), Y tế công cộng (77207), Y học (77201), Dược học (77202), Dinh dưỡng (77204); Quản lý Y tế (77208), SP Vật lý (7140211), SP Hóa học (7140212), SP Sinh học (7140213), SP Kỹ thuật công nghiệp (7140214), SP Kỹ thuật nông nghiệp (7140215), SP công nghệ (7140246), SP Khoa học tự nhiên (7140247), QT đô thị thông minh và bền vững (thí điểm)	

4. Chuyên ngành Quản lí phát triển đô thị (định hướng ứng dụng)

STT	Nhóm ngành	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp đại học	Học phần bổ sung kiến thức
1	Nhóm 1	Kiến trúc và quy hoạch (75801), Quản trị đô thị thông minh và bền vững (thí điểm)	Không cần bổ sung kiến thức
2	Nhóm 2	Mỹ thuật đô thị (7210110), Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng (75101), Xây dựng (75802), Quản lý xây dựng (75803), Các ngành khác của nhóm ngành Kiến trúc và xây dựng (75890), Lâm nghiệp đô thị (7620202), Thiết kế sáng tạo (thí điểm)	- Kinh tế học đại cương - Môi trường và phát triển - Xã hội học đại cương **Tổng số: 7 tín chỉ**
	Nhóm 3	Sư phạm Lịch sử - Địa lý (7140249), Ngôn ngữ Anh (7220201), Ngôn ngữ Pháp (7220203), Ngôn ngữ Trung Quốc (7220204), Kinh tế học (73101), Khoa học chính trị (73102), Xã hội học và Nhân học (73103), Địa lý học (73105), Khu vực học (73106), Tâm lý học (7310401), Kinh doanh (73401), Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402), Kế toán - Kiểm toán (73403), Quản trị - Quản lý (73404), các ngành khác của nhóm ngành Quản trị - Quản lí (73490), Luật (73801), các ngành khác của nhóm ngành Luật (73890), Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (7810103), Quản trị tài nguyên di sản (thí điểm)	- Đô thị học đại cương - Lịch sử đô thị Việt Nam - Quản lí học đô thị - Môi trường và phát triển **Tổng số: 10 tín chỉ**
	Nhóm 4	Sư phạm Địa lý (7140219), Sư phạm Khoa học tự nhiên (7140247), Khoa học vật liệu (7440122), Địa chất học (7440201), Bản đồ học (7440212), Địa lý tự nhiên (7440217), Khoa học môi trường (74403), Khoa học dữ liệu (7460108), Toán ứng dụng (7460112), Thống kê (74602), Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (7480102), Hệ thống thông tin (7480104), Trí tuệ nhân tạo (7480107), Công nghệ thông tin (74802), Công nghệ kỹ thuật môi trường (7510406), Kỹ thuật không gian (7520121), Kỹ thuật vật liệu (7520309), Kỹ thuật môi trường (7520320), Vật lý kỹ thuật (7520401), Phát triển nông thôn (7620116), Quản lý tài nguyên và môi trường (78501)	- Đô thị học đại cương - Lịch sử đô thị Việt Nam - Quản lí học đô thị - Kinh tế học đại cương - Xã hội học đại cương **Tổng số: 13 tín chỉ**

5. Chuyên ngành Công nghiệp văn hóa và sáng tạo (định hướng ứng dụng)

STT	Nhóm ngành	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp đại học	Học phần bổ sung kiến thức
1	Nhóm 1	Các ngành đào tạo giáo viên khối Nghệ thuật (71402); Sư phạm Âm nhạc (7140221), Sư phạm Mỹ thuật (7140222), Sư phạm Nghệ thuật (7140245), Mỹ thuật (72101), Nghệ thuật trình diễn (72102), Nghệ thuật nghe nhìn (72103), Mỹ thuật ứng dụng (72104), Khác (72190), Thiết kế sáng tạo (Thí điểm).	- Kinh tế học đại cương - Quản trị học - Nhập môn Công nghiệp văn hóa sáng tạo - Xã hội học đại cương - Cơ sở văn hóa Việt Nam **Tổng số: 14 tín chỉ**
2	Nhóm 2	Sư phạm Ngữ văn (7140217), Sư phạm Lịch sử (7140218), Sư phạm Địa lí (7140219), Sư phạm Lịch sử - Địa lí (7140249), Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam (72201), Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202), Khác (72290), Quản lí nhà nước (7310205), Quan hệ quốc tế (7310206), Xã hội học và Nhân học (73103), Tâm lí học (73104), Địa lí học (73105), Khu vực học (73106), Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng (73203), Xuất bản - Phát hành (73204), Công tác xã hội (77601), Quản trị tài nguyên di sản (Thí điểm).	- Kinh tế học đại cương - Mỹ học đại cương - Quản trị học - Nhập môn Công nghiệp văn hóa sáng tạo **Tổng số: 12 tín chỉ**
	Nhóm 3	Kinh tế (7310101), Kinh tế đầu tư (7310104), Kinh tế phát triển (7310105), Kinh tế số (7310109), Báo chí và truyền thông (73201), Kinh doanh (73401), Quản trị - Quản lí (73404), Khác (73490), Luật (73801), Logistics và Quản lí chuỗi cung ứng (7510605), Du lịch (78101), Khách sạn, nhà hàng (78102), Quản lí giải trí và sự kiện (Thí điểm), Quản trị thương hiệu (Thí điểm).	- Mỹ học đại cương - Xã hội học đại cương - Nhập môn Công nghiệp văn hóa sáng tạo - Cơ sở văn hóa Việt Nam **Tổng số: 11 tín chỉ**

STT	Nhóm ngành	Ngành, nhóm ngành tốt nghiệp đại học	Học phần bổ sung kiến thức
	Nhóm 4	Khoa học giáo dục (71401), Đào tạo giáo viên (71402), Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (7480102), Kỹ thuật phần mềm (7480103), Hệ thống thông tin (7480104), Trí tuệ nhân tạo (7480107), Công nghệ thông tin (74802), Kiến trúc và quy hoạch (75801), Thể dục, thể thao (78103), Quản trị đô thị thông minh và bền vững (Thí điểm).	- Kinh tế học đại cương - Mỹ học đại cương - Quản trị học - Nhập môn Công nghiệp văn hóa sáng tạo - Xã hội học đại cương - Cơ sở văn hóa Việt Nam **Tổng số: 17 tín chỉ**

Ghi chú: *Trường hợp trong Bảng điểm đại học của thí sinh đã có học phần nào thì sẽ được xem xét để miễn học bổ sung phần đó.*

PHỤ LỤC 5. MỘT SỐ MẪU GIẤY TỜ TRONG HỒ SƠ

01. PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG KHOA HỌC LIÊN NGÀNH VÀ NGHỆ THUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN THẠC SĨ NĂM 2024

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin cá nhân:

Họ và tên: Giới tính:
Ngày sinh: Nơi sinh:
Dân tộc: Tôn giáo: Số CCCD:
Ngày cấp CCCD: Nơi cấp CCCD:
SĐT: Email:
Hộ khẩu thường trú:
Nơi ở hiện nay:

1. Thông tin về chuyên môn/việc làm:

Cơ quan công tác:
Thâm niên công tác: Chức vụ:
Chuyên môn công tác:
Thâm niên công tác trong lĩnh vực liên quan? Tại các cơ quan, tổ chức nào? (liệt kê thêm nếu có, và gửi kèm minh chứng hợp lệ trong bộ hồ sơ bản cứng)

.....

.....

3. Thông tin về tốt nghiệp đại học:

Trường tốt nghiệp:
Ngành tốt nghiệp:
Năm tốt nghiệp: Xếp loại: Hệ đào tạo:

B. ĐĂNG KÝ DỰ THI

Đơn vị đào tạo: Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, ĐHQGHN
Bậc đào tạo: Thạc sĩ
- Chuyên ngành: ☐Khoa học bền vững ☐Biến đổi khí hậu ☐Di sản học
☐Quản lí phát triển đô thị ☐Công nghiệp văn hóa và sáng tạo

Tên văn bằng, chứng chỉ miễn ngoại ngữ (nếu có, VD: VSTEP B2; IELTS 5.5…):

Người đăng ký

Chú ý: thí sinh in và điền thông tin theo mẫu phiếu đăng ký này và gửi lại vào email tuyensinhliennganh@vnu.edu.vn kèm với (1) CMT/CCCD; (2) Ảnh scan 4x6; (3) Ảnh scan bằng và bảng điểm đại học (4) Chứng chỉ ngoại ngữ (Anh, Nga, Trung, Đức, Pháp, Nhật, Hàn – nếu có) để đăng ký dự thi.

02. MẪU THƯ ỨNG TUYỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
***

THƯ ỨNG TUYỂN

<u>Kính gửi</u>: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học,
Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, ĐHQGHN

Tên tôi là: Năm sinh:
Địa chỉ cư trú:
Đơn vị công tác:
Chuyên môn phụ trách:
Chuyên ngành đăng ký xét tuyển:

(Nội dung đơn xin học - phần này do thí sinh tự trình bày)

Nên đảm bảo các thông tin sau trong nội dung: Động cơ học tập:

- *Thể hiện được sự mong muốn nâng cao kiến thức và kỹ năng (đam mê, kinh nghiệm, mục tiêu phát triển...). Ví dụ: mong muốn mở mang học vấn, phát triển sự nghiệp, từ niềm đam mê, phù hợp với kiến thức và kinh nghiệm của mình, câu chuyện đã từng trải qua, lựa chọn nghiên cứu lĩnh vực này vì đây là vấn đề cấp bách, chưa được xã hội giải quyết, muốn tiếp cận tri thức nhân loại…, muốn đóng góp vào nền kinh tế, giáo dục quê hương, giúp đỡ những người khó khăn…*
- *Thể hiện được tinh thần sẵn sàng tham gia vào các hoạt động của chương trình (sắp xếp quản lí thời gian; khả năng nghiên cứu khoa học...)*
- *Chỉ ra được định hướng phát triển bản thân và chuyên môn của thí sinh từ chương trình đào tạo.*

Kết luận:
Phần thể hiện lời hứa của thí sinh đối với nhà trường sau khi trúng tuyển (về việc chấp hành kỷ luật, đảm bảo học tập, tham gia nghiên cứu…)

Nếu được trở thành học viên của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ những nội quy, quy định và đảm bảo thời gian học tập, nghiên cứu trong chương trình.

Chân thành cảm ơn!

……., ngày …… tháng……năm 20…

03. MẪU XÁC NHẬN THÂM NIÊN CÔNG TÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20

GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN CÔNG TÁC

Kính gửi:
- Ban chỉ đạo tuyển sinh sau đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Hội đồng tuyển sinh SĐH Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật

(Cơ quan) ……xác nhận:
Anh (chị): ……
Sinh ngày: ……, tại ……
Quá trình công tác:

STT	Thời gian công tác (từ……/…….đến……/……)	Nơi công tác	Chức vụ

Nay cơ quan chúng tôi xác nhận thời gian công tác của anh (chị):……...
như trên là hoàn toàn đúng.

Kính đề nghị quý hội đồng tạo điều kiện giúp đỡ.

Trân trọng cảm ơn.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Kí tên và đóng dấu)

04. MẪU SƠ YẾU LÍ LỊCH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG KHOA HỌC LIÊN NGÀNH VÀ NGHỆ THUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dành cho thí sinh xét tuyển Sau Đại học của VNU-SIS)

Dán ảnh
4 x 6
và đóng dấu giáp lai

Họ và tên : ……..…….……..
Ngày sinh : …… Nam, nữ:...……....
Nơi sinh : (*Huyện, tỉnh*)……
Quốc tịch : ……..……...……
Hộ khẩu thường trú : ……
..…….……
Đối tượng ưu tiên : ……..……..
Dân tộc : …… Tôn giáo : ……...
Điện thoại liện hệ: Cố định: ……..……...… Di động:……..……
Cơ quan công tác : ……..……...……ĐT: ……
Chức vụ : ……Địa chỉ cơ quan: ……..
……..……...……..……...……..…….....…
Ngày và nơi vào Đoàn : ……
Ngày và nơi vào Đảng : ……
Chức vụ cao nhất đã qua về Đảng, Đoàn, lớp : ……
Ngày nhập ngũ : …… Ngày xuất ngũ : …….……
Địa chỉ liên hệ (*ghi rõ số nhà, thôn, xóm*) : ……..……...……
……..……...……..……...……..…….....…
Quá trình hoạt động của bản thân *(ghi rõ từ tháng, năm, làm gì, ở đâu*):

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Làm gì	Ở đâu

Họ và tên bố : …… Sinh ngày : ……
Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay : ……
Nơi công tác : ……
……
……
Họ và tên mẹ : …… Sinh ngày : ……
Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay : ……
Nơi công tác : ……
……
……
……
Anh chị em ruột, vợ hoặc chồng, con (nếu có)
(Ghi rõ họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, học tập của từng người)
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Lời cam đoan : Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin chịu trách nhiệm.

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan công tác hoặc của UBND xã, phường

Ngày tháng năm 20
Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)